

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hải
2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trúc Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Bích N, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 521 H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Văn G, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 521 H, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Dương Bích N) trình bày: Tôi và anh Vũ Văn G tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 15/6/2006; việc lấy nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến sau khi sinh con thứ 2 vào năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh G đi làm nhưng thường xuyên uống rượu say, về nhà có những lời nói xúc phạm đến tôi;

cũng do bất đồng tôn giáo. Tôi có nói chuyện, góp ý với anh G nhiều lần để anh G giữ gìn sức khỏe và thay đổi cách sống nhưng anh G vẫn không thay đổi, vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Lúc đó do con chung của chúng tôi còn nhỏ, nên tôi cố gắng chịu đựng, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp tục căng thẳng. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2017 trở lại đây, anh G không tin tưởng tôi về mặt tình cảm, tôi đã nhiều lần giải thích cho anh G nhưng anh G có những lời nói hành động xúc phạm tôi. Không khí gia đình tôi lúc nào cũng rất căng thẳng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Thời điểm cuối năm 2019, mâu thuẫn trở nên đỉnh điểm, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ gì với nhau và chúng tôi có nộp đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nhưng vì nghĩ đến các con và gia đình hai bên khuyên can nên tôi đã có đơn xin rút đơn yêu cầu. Mặc dù tôi đã cố gắng chịu đựng và chung sống để hàn gắn tình cảm vợ chồng và vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không có kết quả mặc dù sau khi rút đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn về đoàn tụ nhưng chúng tôi vẫn sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm hay trách nhiệm gì với nhau nữa; trong thời gian này anh G đã ra ngoài ở một thời gian sau đó lại về nhà ở, khi anh G về nhà thì tôi sang nhà bố mẹ tôi cách đây một hai gian để ở, còn hàng ngày (ban ngày) tôi chỉ về nhà để bán hàng. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không như ý muốn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh G.

- Về con chung: Tôi và anh Vũ Văn G có 02 con chung là Vũ Trâm A, sinh ngày 23/01/2007 và Vũ Bảo Y, sinh ngày 14/01/2010; hiện các cháu đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng tôi. Nay ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho tôi được tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tôi và anh G sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi và anh G không có tài sản chung và về công nợ chúng tôi không có công nợ với ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Vũ Văn G mặc dù đã được nhận các văn bản của Tòa án giao đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa; trong quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Văn G có trình bày tại bản tự khai: Anh và chị N lấy nhau năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Dur Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hai bên hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã và cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng được hai bên gia đình khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không có kết quả, đến nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên anh đồng ý ly hôn với chị N. Về con chung: Anh G và chị N có 02 con chung là Vũ Trâm A, sinh ngày 23/01/2007 và Vũ Bảo Y, sinh ngày 14/01/2010, ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị N sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Anh và chị N không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập chứng cứ, đại diện địa phương nơi chị N và anh G cư

trú cho biết: Chị Dương Bích N và anh Vũ Văn G lấy nhau có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương. Hiện tại địa phương được biết anh chị có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh G và chị N cũng đã trình bày với tổ dân phố về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Đến nay chị N xin ly hôn anh G đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết. Chị N và anh G có 02 con chung là Vũ Trâm A, sinh ngày 23/01/2007 và Vũ Bảo Y, sinh ngày 14/01/2010, do anh G làm nghề lái xe, thường xuyên vắng nhà, hiện hai cháu đang ăn ở, sinh hoạt ổn định cùng chị N; nếu hai bên ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Về tài sản và công nợ chung của anh chị, tổ dân phố không biết và không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Bích N được ly hôn anh Vũ Văn G. Về con chung: Giao con chung Vũ Trâm A, sinh ngày 23/01/2007 và Vũ Bảo Y, sinh ngày 14/01/2010 cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung chị N sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh G, do vậy không đặt ra xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị N không yêu cầu, nên không đặt ra xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa anh G đều vắng mặt không có lý do, mặc dù trước đó đã nhận được văn bản Tòa án giao theo đúng quy định pháp luật; qua đó cho thấy anh G đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Căn cứ điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Dương Bích N và anh Vũ Văn G tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai của hai bên đều thể hiện quá trình anh G, chị N chung sống có phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về tình cảm, có lời nói và hành động xúc phạm lẫn nhau trong cuộc sống; vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan hệ gì với nhau về tình cảm, kinh tế; điều này phù hợp với chính quyền địa phương cung cấp. Do mâu thuẫn ngày 29/10/2019 hai bên đã có yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn sau đó chị N đã rút đơn, ngày 20/02/2020 chị N có đơn xin ly hôn anh G. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Dương Bích N và anh Vũ Văn G có 02 con chung là Vũ Trâm A, sinh ngày 23/01/2007 và Vũ Bảo Y, sinh ngày 14/01/2010. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng tiếp tục được nuôi, chăm sóc cả hai con chung đến đủ 18 tuổi; xét các cháu đang ở cùng chị N, nên việc chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng là chính đáng, phù hợp với thực tế; phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cũng như ý kiến của chị N và anh G đã trình bày và ý kiến của chính quyền địa phương; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giao các cháu Vũ Trâm A và Vũ Bảo Y cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N có ý kiến sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N trình bày, hai bên không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Bích N được ly hôn anh Vũ Văn G.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Trâm A, sinh ngày 23/01/2007 và Vũ Bảo Y, sinh ngày 14/01/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị N đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013809 ngày 20/02/2020.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc